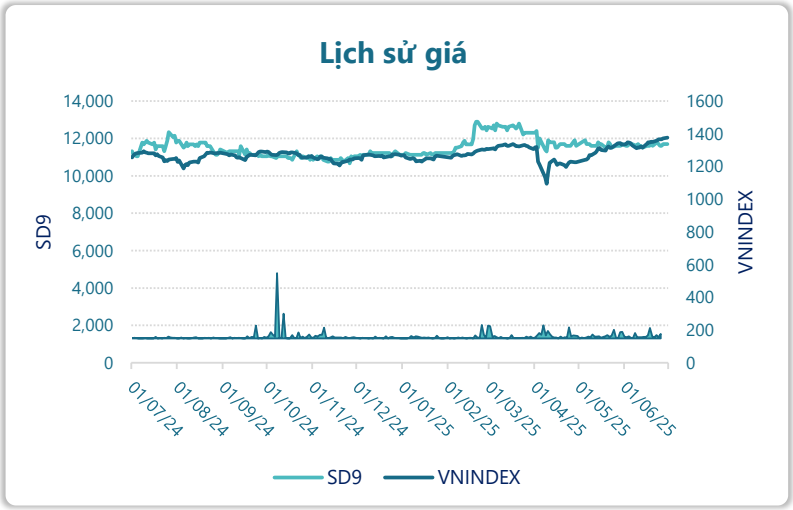
FireAnt

CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,893
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,667
SL cổ phiếu LH	34,234,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,445
% sở hữu nước ngoài	2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	401
P/E	17.7
EPS	661

DT thuần

Q2/25

98.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.8| 45.6%

YoY: ▼16.6| -14.4%

LN sau thuế

Q2/25

15.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.50| 40.6%

YoY: ▼3.40| -18.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

31.0%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

6T 2025

166

tỷ VNĐ

YoY: ▼61.0| -26.8%

LN sau thuế

6T 2025

26.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.40| -26.2%

ROE

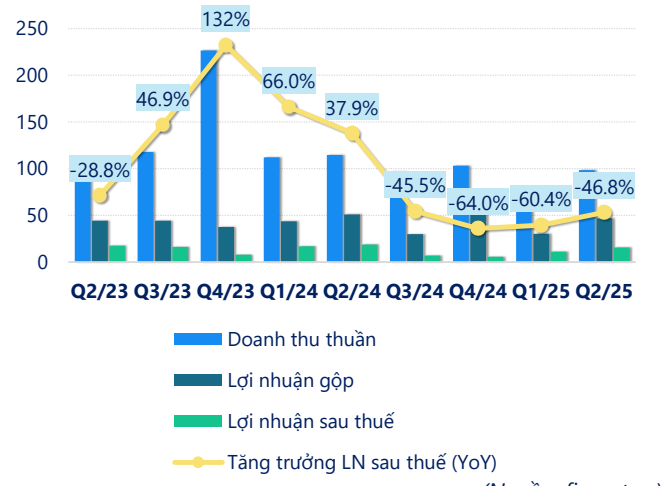
Q2/25

2.7%

+/- YoY: ▼ 0.9%

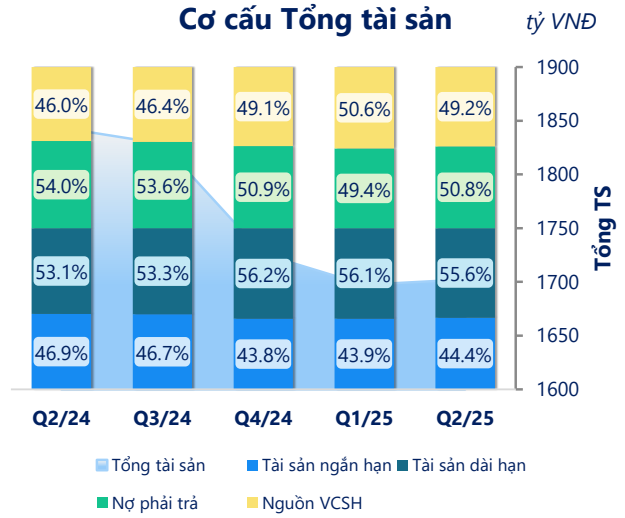
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



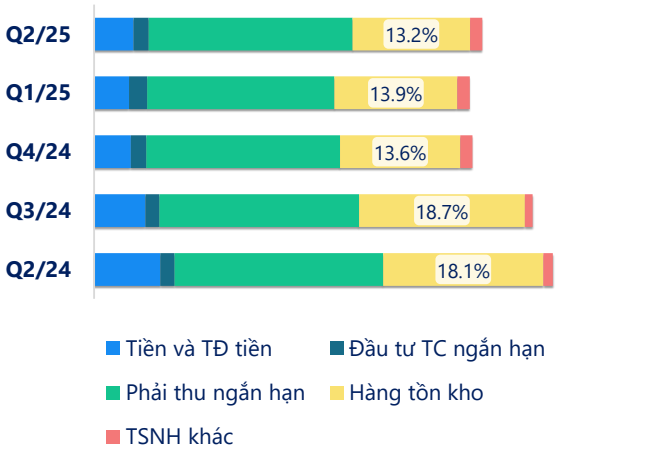
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



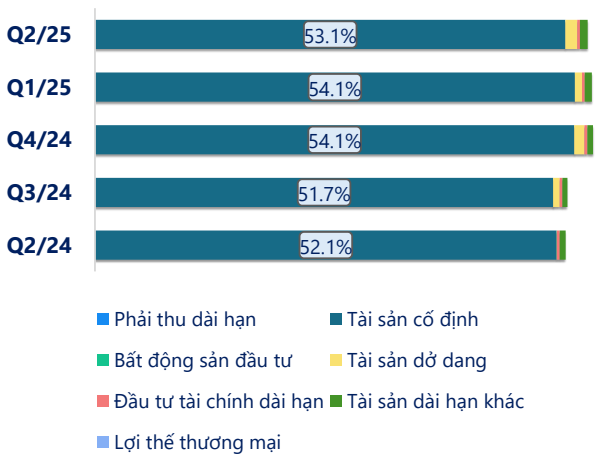
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



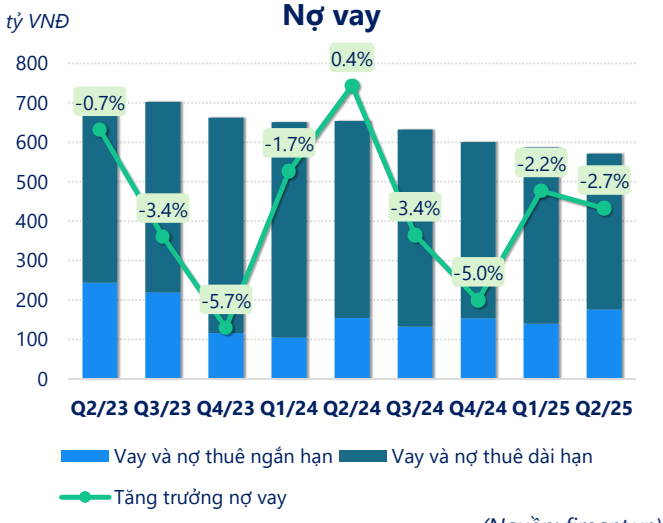
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



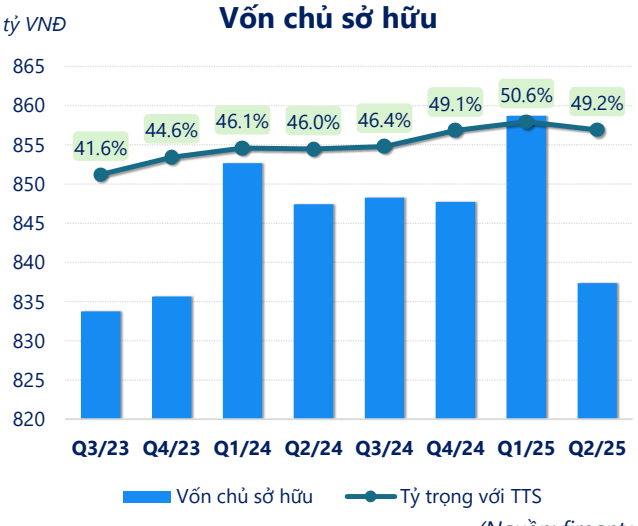
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



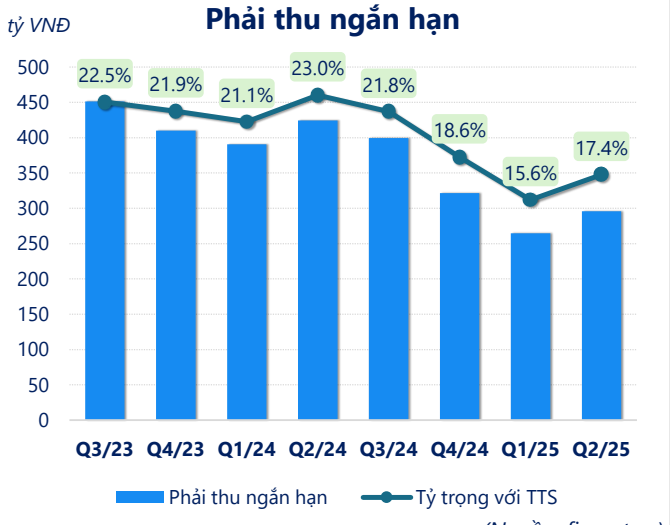
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



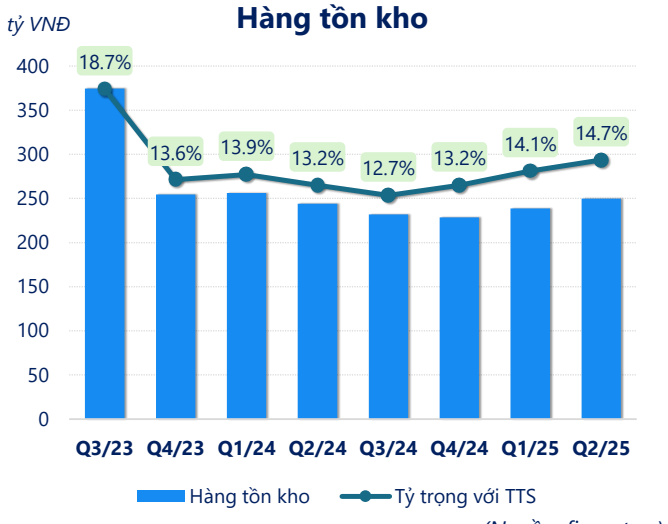
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



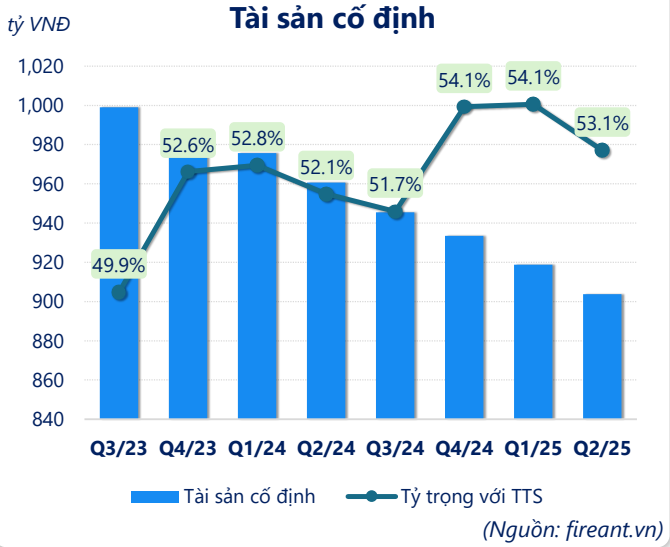
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



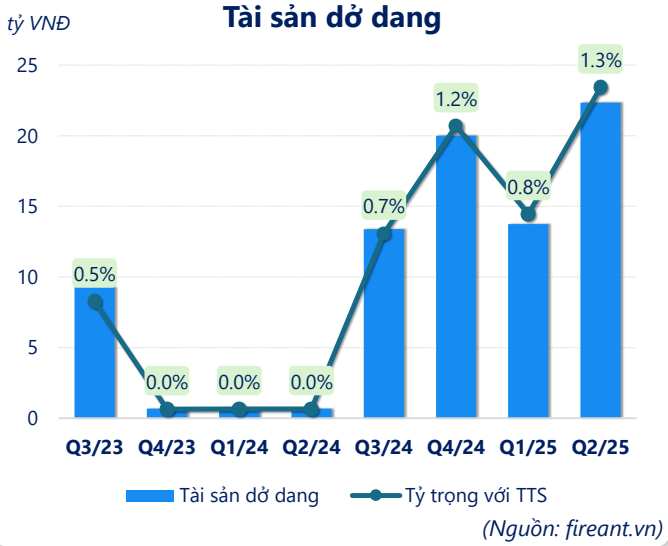
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



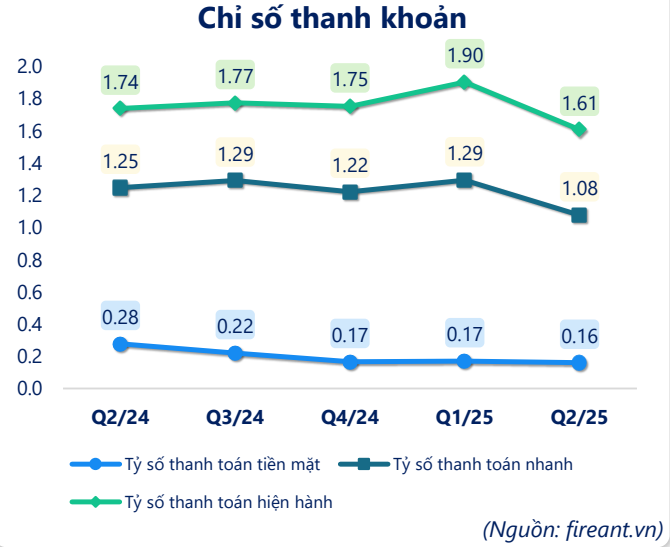
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



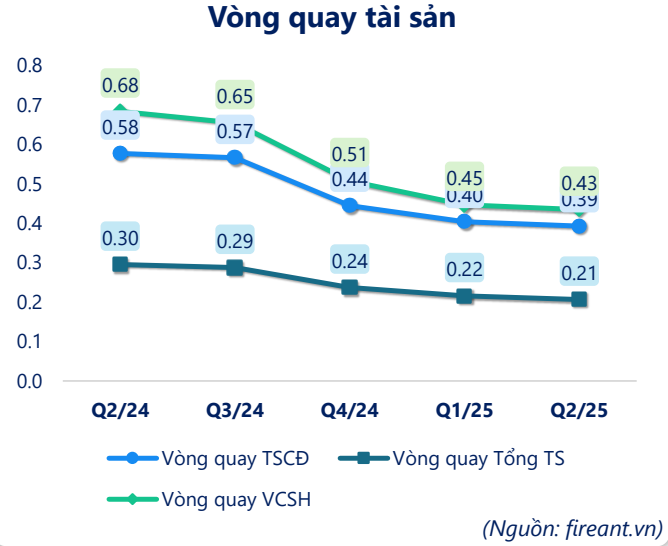
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,844**	**1,829**	**1,726**	**1,697**	**1,702**
Tài sản ngắn hạn	**864**	**854**	**756**	**745**	**756**
Tiền và tương đương tiền	138	106	71.4	66.7	75.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.1	92.1	116	156	116
Phải thu ngắn hạn	424	399	321	265	296
Hàng tồn kho	244	232	229	239	250
Tài sản ngắn hạn khác	25.9	24.3	19.2	20.0	18.9
Tài sản dài hạn	**979**	**975**	**970**	**952**	**946**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	961	946	933	919	904
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.68	13.4	20.0	13.8	22.3
Đầu tư tài chính dài hạn	5.34	5.34	5.34	5.34	5.34
Tài sản dài hạn khác	12.7	10.6	11.1	13.9	15.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**996**	**980**	**878**	**839**	**865**
Nợ ngắn hạn	**497**	**481**	**431**	**392**	**470**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	155	133	154	140	177
Phải trả người bán ngắn hạn	91.3	100	68.9	53.6	59.8
Nợ dài hạn	499	499	447	447	395
Vay và nợ thuê dài hạn	499	499	447	447	395
Nguồn vốn chủ sở hữu	**847**	**848**	**848**	**859**	**837**
Vốn chủ sở hữu	**847**	**848**	**848**	**859**	**837**
Vốn điều lệ	342	342	342	342	342
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)